

Họ và tên.....SBD.....

Câu 1. Chọn phát biểu **sai** ? Gia tốc trong chuyển động thẳng biến đổi đều

- A. đặc trưng cho sự nhanh biến thiên nhanh hay chậm của vận tốc theo thời gian.
- B. luôn không đổi cả về hướng và độ lớn.
- C. luôn là một đại lượng vector.
- D. luôn cùng hướng với chuyển động của vật.

Câu 2. Một vật đang chuyển động với vận tốc 3 m/s. Nếu bỗng nhiên các lực tác dụng lên nó mất đi thì:

- A. vật dừng lại ngay.
- B. vật tiếp tục chuyển động theo hướng cũ với vận tốc 3 m/s.
- C. vật đổi hướng chuyển động.
- D. vật chuyển động chậm dần rồi dừng lại.

Câu 3. Để xác định tốc độ của một vật chuyển động đều, một người đã đo được quãng đường đi được bằng $16,0 \pm 0,4(m)$ trong khoảng thời gian $4,0 \pm 0,2(s)$. Tốc độ của vật là

- A. $(4,0 \pm 0,3)m/s$.
- B. $(4,0 \pm 0,2)m/s$.
- C. $(4,0 \pm 0,1)m/s$.
- D. $(4,0 \pm 0,6)m/s$.

Câu 4. Phương trình chuyển động của chất điểm dọc theo trục Ox có dạng $x = 2t - 10$ (km, giờ). Quãng đường đi được của chất điểm sau 3h là

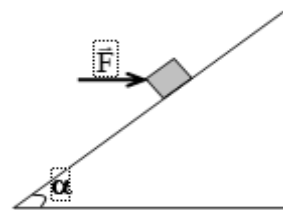
- A. - 4km.
- B. - 6km.
- C. 6km.
- D. 4km.

Câu 5. Hai xe ô tô bắt đầu chuyển động thẳng, nhanh dần đều hướng đến một ngã tư theo hai quỹ đạo vuông góc nhau. Chọn gốc tọa độ là giao điểm của hai quỹ đạo, chiều dương trùng với chiều chuyển động của hai xe. Tại thời điểm ban đầu, xe thứ nhất có tọa độ $x_{01} = -15m$ và có gia tốc $a_1 = 3m/s^2$; xe thứ hai có tọa độ ban đầu $x_{02} = -30m$ có gia tốc $a_2 = 4m/s^2$. Khoảng cách ngắn nhất của hai xe là:

- A. 6 m
- B. 8 m
- C. 10 m
- D. 4 m

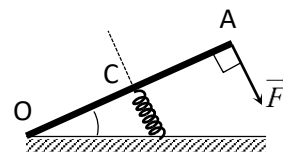
Câu 6. Một vật có trọng lượng $P = 100N$ đặt trên mặt phẳng nghiêng góc α bằng lực F có phương nằm ngang như hình. Biết $\tan \alpha = 0,5$ và hệ số ma sát trượt $\mu = 0,2$. Giá trị lực F lớn nhất để vật nằm yên là:

- A. 77,8 N
- B. 27,27 N
- C. 50,2 N
- D. 82,28 N



Câu 7. Một bàn đạp có trọng lượng không đáng kể, có chiều dài $OA = 20cm$, quay dễ dàng quanh trục O nằm ngang. Một lò xo gắn vào điểm giữa C. Người ta tác dụng lên bàn đạp tại điểm A một lực $\vec{F}$ vuông góc với bàn đạp và có độ lớn 20N. Bàn đạp ở trạng thái cân bằng khi lò xo có phương vuông góc với OA. Lực của lò xo tác dụng lên bàn đạp bằng

- A. 30N.
- B. 40N.
- C. 20N.
- D. 50N.



Câu 8. Phát biểu nào sau đây là **không đúng** ?

- A. Theo thuyết electron, một vật nhiễm điện âm là vật thừa electron.
- B. Theo thuyết electron, một vật nhiễm điện dương là vật thiếu electron.
- C. Theo thuyết electron, một vật nhiễm điện dương là vật đã nhận thêm các ion dương.
- D. Theo thuyết electron, một vật nhiễm điện âm là vật đã nhận thêm electron.

Câu 9. Một tụ điện có điện dung C không đổi, khi hiệu điện thế giữa hai bản tụ điện bằng 6 V thì điện tích tụ là 5 μC . Khi hiệu điện thế giữa hai bản tụ điện bằng 12 V thì điện tích tụ là

- A. 10 μC .
- B. 30 μC .
- C. 2,5 μC .
- D. 20 μC .

Câu 10. Dòng điện chạy qua bóng đèn hình của một ti vi thường dùng có cường độ 60 μA . Số electron đến đập vào màn hình của ti vi trong mỗi giây là:

- A. $3,75 \cdot 10^{14}$ electron.
- B. $7,35 \cdot 10^{14}$ electron.
- C. $2,66 \cdot 10^{-14}$ electron.
- D. $0,266 \cdot 10^{-4}$ electron.

Câu 11. Công suất của nguồn điện được xác định bằng công thức

- A. $P_{ng} = \xi \cdot I \cdot t$. B. $P_{ng} = \xi \cdot I$. C. $P_{ng} = U \cdot I \cdot t$. D. $P_{ng} = U \cdot I$.

Câu 12. Bộ tụ điện gồm ba tụ điện: $C_1 = 10 \text{ (}\mu\text{F)}$, $C_2 = 15 \text{ (}\mu\text{F)}$, $C_3 = 30 \text{ (}\mu\text{F)}$ mắc song song với nhau. Điện dung của bộ tụ điện là:

- A. $C_b = 15 \text{ (}\mu\text{F)}$. B. $C_b = 10 \text{ (}\mu\text{F)}$. C. $C_b = 55 \text{ (}\mu\text{F)}$. D. $C_b = 5 \text{ (}\mu\text{F)}$.

Câu 13. Điện tích điểm $q = -3 \cdot 10^{-6} \text{ C}$ di chuyển được đoạn đường $2,5 \text{ cm}$ dọc theo một đường sức điện nhưng ngược chiều của đường sức trong một điện trường đều có cường độ điện trường 4000 V/m . Công của lực điện trong sự di chuyển của điện tích q là

- A. $-3 \cdot 10^{-3} \text{ J}$ B. $3 \cdot 10^{-2} \text{ J}$ C. $-3 \cdot 10^{-4} \text{ J}$ D. $3 \cdot 10^{-4} \text{ J}$

Câu 14. Phát biểu nào sau đây là **sai**? Lực từ là lực tương tác

- A. giữa một nam châm và một dòng điện. B. giữa hai nam châm.
C. giữa hai điện tích đứng yên. D. giữa hai dòng điện.

Câu 15. Khi cho nam châm chuyển động qua một mạch kín, trong mạch xuất hiện dòng điện cảm ứng. Điện năng của dòng điện được chuyển hóa từ

- A. cơ năng. B. nhiệt năng. C. quang năng. D. hóa năng.

Câu 16. Độ lớn của lực tương tác giữa hai điện tích điểm trong không khí thì

- A. tỉ lệ thuận với bình phương khoảng cách giữa hai điện tích
B. tỉ lệ nghịch với bình phương khoảng cách giữa hai điện tích
C. tỉ lệ nghịch với khoảng cách giữa hai điện tích
D. tỉ lệ thuận với khoảng cách giữa hai điện tích

Câu 17. Cho mạch điện với bộ nguồn có suất điện động $E = 30 \text{ V}$. Cường độ dòng điện qua mạch là $I = 3 \text{ A}$, hiệu điện thế 2 cực bộ nguồn $U = 18 \text{ V}$. Tính điện trở R của mạch ngoài và điện trở trong r của bộ nguồn

- A. $R = 6,0 \Omega$; $r = 4,0 \Omega$ B. $R = 6,6 \Omega$; $r = 4,4 \Omega$ C. $R = 0,6 \Omega$; $r = 0,4 \Omega$ D. $R = 6,6 \Omega$; $r = 4,0 \Omega$

Câu 18. Một khối khí có thể tích $V_1 = 4 \text{ lít}$, $p = 2 \cdot 10^5 \text{ Pa}$, $t_1 = 57^\circ \text{C}$ nhận công và bị nén đẳng áp. Biết nội năng khối khí tăng 20 J và nhiệt lượng khối khí tỏa ra là 20 J . Nhiệt độ sau khi nén bằng

- A. $73,5^\circ$. B. 57°C . C. $40,5^\circ \text{C}$. D. 37°C .

Câu 19. Chọn phát biểu **sai** khi nói về chất bán dẫn

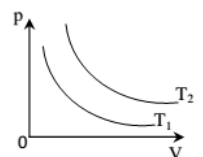
- A. Ở nhiệt độ thấp chất bán dẫn gần như không dẫn điện.
B. Ở nhiệt độ cao chất bán dẫn dẫn điện khá tốt.
C. Ở nhiệt độ cao trong chất bán dẫn tinh khiết xuất hiện nhiều electron tự do và nhiều lỗ trống.
D. Dòng điện trong chất bán dẫn tinh khiết tuân theo định luật Ôm.

Câu 20. Chọn công thức **đúng** của từ trường của dòng điện ống.

- A. $B = 2\pi \cdot 10^{-7} \frac{I}{R}$. B. $B = 4\pi \cdot 10^{-7} \frac{N}{l} I$. C. $B = 4\pi \cdot 10^{-7} \frac{N}{R} I$. D. $B = 2 \cdot 10^{-7} \frac{I}{r}$.

Câu 21. Đồ thị biểu diễn hai đường đẳng nhiệt của cùng một lượng khí lí tưởng biểu diễn như hình vẽ. Mối quan hệ về nhiệt độ của hai đường đẳng nhiệt này là

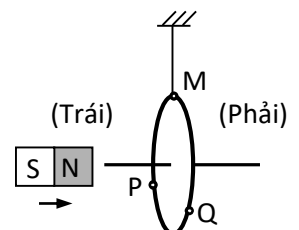
- A. $T_2 < T_1$. B. $T_2 = T_1$.
C. $T_2 > T_1$. D. $T_2 \leq T_1$.



Câu 22. Trong nguồn điện lực lạ có tác dụng

- A. làm dịch chuyển các điện tích dương từ cực âm của nguồn điện sang cực dương của nguồn điện.
B. làm dịch chuyển các điện tích dương từ cực dương của nguồn điện sang cực âm của nguồn điện.
C. làm dịch chuyển các điện tích dương theo chiều điện trường trong nguồn điện.
D. làm dịch chuyển các điện tích âm ngược chiều điện trường trong nguồn điện.

Câu 23: Một vòng dây bằng đồng nhẹ được treo bằng một sợi dây vào giá cố định. Vòng dây đang đứng yên. Một nam châm thẳng chuyển động lại gần vòng dây (hình vẽ). Hỏi trong quá trình nam châm tiến lại gần vòng dây thì dòng điện cảm ứng xuất hiện trong vòng dây có chiều như thế nào và vòng dây chuyển động về phía nào ?



- A. Dòng điện cảm ứng có chiều MQPM, vòng dây chuyển động sang phải.
B. Dòng điện cảm ứng có chiều MPQM, vòng dây chuyển động sang trái.
C. Dòng điện cảm ứng có chiều MQPM, vòng dây chuyển động sang trái.
D. Dòng điện cảm ứng có chiều MPQM, vòng dây chuyển động sang phải.

Câu 24. Dòng điện trong chất khí

- A. Có cường độ dòng điện luôn luôn tăng khi hiệu điện thế tăng.
- B. Luôn tồn tại khi trong chất khí có điện trường.
- C. Là dòng chuyển dời có hướng của các phân tử, nguyên tử.
- D. Là dòng chuyển dời có hướng của các ion dương, ion âm và các electron.

Câu 25. Trong các ứng dụng sau, đáp án nào không phải là ứng dụng của lực Lo-ren-xơ?

- A. Máy gia tốc.
- B. Đèn hình.
- C. Chuông điện.
- D. Khô phổ kế.

Câu 26. Trong các hiện tượng sau đây, hiện tượng nào có sự phát xạ nhiệt electron?

- A. Tia lửa điện.
- B. Hồ quang điện.
- C. Sự dẫn điện một chiều của điôt.
- D. Hiện tượng cực dương tan.

Câu 27. Một bình đựng khí có dung tích $6.10^{-3}m^3$ đựng khí áp suất $2,75.10^6 Pa$. Người ta dùng khí trong bình để thổi các quả bóng bay sao cho bóng có thể tích $3,3.10^{-3}m^3$ và khí trong bóng có áp suất $10^5 Pa$. Nếu coi nhiệt độ của khí không đổi thì số lượng bóng thổi được là

- A. 50 quả bóng.
- B. 48 quả bóng.
- C. 52 quả bóng.
- D. 49 quả bóng.

Câu 28. Người ta cung cấp một nhiệt lượng 1,5J cho chất khí đựng trong một xilanh có khối lượng $m = 600g$ đặt nằm ngang. Khí nở ra đẩy pittông từ trạng thái nghỉ di chuyển 5cm với gia tốc $5m/s^2$. Biết lực ma sát giữa pittông và xilanh có độ lớn 20 N. Tính độ biến thiên nội năng của khí

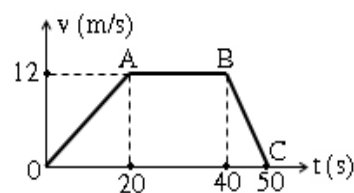
- A. $\Delta U = -0,35J$.
- B. $\Delta U = 1,15J$.
- C. $\Delta U = 0,35 J$.
- D. $\Delta U = -0,5 J$.

Câu 29. Hai dây dẫn thẳng, dài đặt song song với nhau trong không khí cách nhau 32 cm có cường độ dòng điện chạy trên dây 1 là $I_1 = 5 A$, cường độ dòng điện chạy trên dây 2 là I_2 . Điểm M nằm trong mặt phẳng 2 dòng điện, ngoài khoảng 2 dòng điện và cách dòng I_2 một đoạn 8cm. Để cảm ứng từ tại M bằng không thì dòng điện I_2 có

- A. Cường độ $I_2 = 1A$ và cùng chiều với I_1 .
- B. Cường độ $I_2 = 2A$ và cùng chiều với I_1 .
- C. Cường độ $I_2 = 1A$ và ngược chiều với I_1 .
- D. Cường độ $I_2 = 2A$ và ngược chiều với I_1 .

Câu 30. Trong một cuộc thử nghiệm xe ô tô, một chiếc ô tô nặng 1,2 tấn được cho chuyển động trên một đoạn đường thẳng nằm ngang với đồ thị vận tốc thời gian như hình vẽ bên. Hệ số ma sát giữa bánh xe và mặt đường là 0,12. Công của lực ma sát tác dụng lên xe ô tô trong quá trình thử nghiệm có giá trị bằng

- A. $-864000 J$.
- B. $-604800 J$.
- C. $604800 J$.
- D. $86400 J$.



Câu 31. Nguyên nhân làm xuất hiện các hạt tải điện trong chất điện phân là

- A. do sự chênh lệch nhiệt độ giữa hai điện cực.
- B. do sự phân li của các phân tử trong dung môi.
- C. do sự trao đổi electron với các điện cực.
- D. do nhiệt độ của bình điện phân giảm khi có dòng điện chạy qua.

Câu 32. Một cặp nhiệt điện sắt – constantan có hệ số nhiệt điện động là $52 \mu V/K$. Người ta nhúng hai mối hàn của cặp nhiệt điện này vào hai chất lỏng có nhiệt độ tương ứng là $-2^0 C$ và $78^0 C$. Suất điện động nhiệt điện trong cặp nhiệt điện này bằng

- A. 52,76 mV.
- B. 41, 60 mV.
- C. 39,52 mV.
- D. 4,16 mV.

Câu 33. Một lò xo có độ cứng 500 N/m nằm ngang, một đầu gắn cố định, đầu còn lại gắn với một vật khối lượng 200 g. Cho vật trượt trên một mặt phẳng ngang không ma sát. Khi vật đi qua vị trí cân bằng (lò xo không biến dạng), vật có động năng bằng 3,6 J. Công suất của lực đàn hồi tại vị trí lò xo bị nén 10 cm và vật đang rời xa vị trí cân bằng là

- A. 150W.
- B. 166 W.
- C. 300W.
- D. 200W.

Câu 34. Điện năng tiêu thụ được đo bằng

- A. Điện kế
- B. Ampe kế.
- C. Công tơ điện.
- D. Vôn kế.

Câu 35. Công của lực lạ làm dịch chuyển điện lượng 4 C từ cực âm đến cực dương bên trong nguồn điện là 24 J. Suất điện động của nguồn là:

- A. 6V
- B. 96V
- C. 12V
- D. 9,6V

Câu 36. Nếu ghép 3 pin giống nhau nối tiếp thu được bộ nguồn 7, 5 V và 3Ω thì khi mắc 3 pin đó song song thu được bộ nguồn

- A. 2,5 V và 1Ω .
- B. 7,5 V và 1Ω .
- C. 22,5 V và 9Ω .
- D. 2,5 V và $1/3 \Omega$.

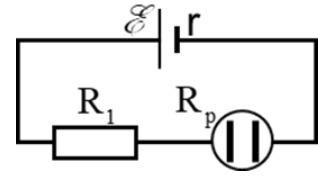
Câu 37. Xét một nguồn điện có suất điện động $E = 10V$, điện trở trong $r = 2 \Omega$. Nếu có hiện tượng đoản mạch xảy ra thì cường độ dòng điện qua mạch bằng:

- A. 20A
- B. 10A
- C. 12 A
- D. 5A

Câu 38. Một bếp điện có ghi 220V-1800W được nối với hiệu điện thế 220V được dùng để đun sôi 1,5 lít nước từ 20°C . Biết hiệu suất sử dụng bếp là 100% và nhiệt dung riêng của nước là 4200J/kg.K . Thời gian đun sôi nước và điện năng tiêu thụ tính theo đơn vị kWh là

- A. 280s và 0,14kWh. B. 290s và 1,41 kWh. C. 300s và 1,41kWh, D. 300s và 0,14kWh.

Câu 39. Cho mạch điện như hình vẽ: Nguồn điện có suất điện động 20V và điện trở trong $r = 0,5\ \Omega$; điện trở $R_1 = 3\ \Omega$. Bình điện phân chứa dd CuSO_4 có điện cực bằng đồng và có điện trở $R_p = 1,5\ \Omega$. Người ta muốn bóc một lớp đồng có thể tích $3,2 \cdot 10^{-9}\text{ m}^3$ bằng bình điện phân trên. Cho biết, đồng có khối lượng riêng là $89 \cdot 10^5\text{ g/m}^3$, số Faraday $F = 96500\text{ C/mol}$. Tính thời gian cần thiết để bóc được lớp đồng đó

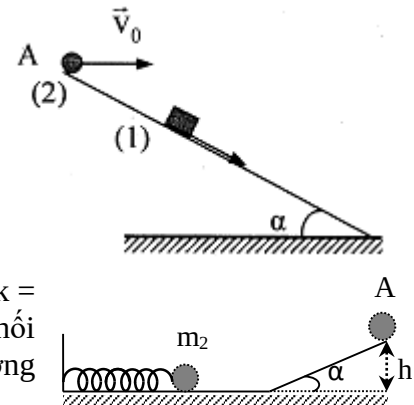


- A. 24,17 s. B. 14,27 s. C. 12,74 s. D. 21,47 s.

Câu 40. Hai chất điểm mang điện tích q_1, q_2 khi đặt gần nhau chúng đẩy nhau. Kết luận nào sau đây SAI

- A. q_1 và q_2 đều là điện tích âm. B. q_1 và q_2 đều là điện tích dương
C. q_1 và q_2 trái dấu. D. q_1 và q_2 cùng dấu.

Câu 41. Trên một dốc nghiêng $\alpha = 30^\circ$, buông một vật nhỏ từ A. Vật nhỏ trượt xuống dốc không ma sát. Sau khi buông vật này 1s, cũng từ A bắn một viên bi nhỏ theo phương ngang với vận tốc đầu $\vec{v}_0$. Xác định v_0 để bi trúng vào vật trượt trên dốc nghiêng. Bỏ qua lực cản của không khí. Lấy $g = 10\text{m/s}^2$.



- A. 8,7m/s B. 6,7m/s C. 7,7m/s D. 9,7m/s

Câu 42. Cho cơ hệ như hình vẽ, lò xo có khối lượng không đáng kể, một đầu cố định, một đầu được gắn vào vật m_2 . Biết độ cứng của lò xo $k = 100\text{N/m}$ độ cao $h = 80\text{cm}$ và $g = 10\text{m/s}^2$. Tại vị trí A thả nhẹ vật có khối lượng $m_1 = 2\text{kg}$ để vật đến va chạm mềm với vật m_2 có cùng khối lượng với m_1 . Bỏ qua mọi ma sát. Độ nén cực đại của lò xo bằng

- A. 28cm. B. 40cm. C. 57cm. D. 80cm.

Câu 43. Một electron không vận tốc ban đầu sau khi đi qua hiệu điện thế 40V thì bay vào một vùng từ trường đều có hai mặt biên phẳng song song, bề dày $h = 10\text{cm}$. Vận tốc của electron vuông góc với cả các đường sức từ lẫn hai biên của vùng. Cho biết tỷ số độ lớn điện tích và khối lượng của electron là $\gamma = 1,76 \cdot 10^{11}\text{C/kg}$. Độ lớn nhỏ nhất của cảm ứng từ của từ trường để electron không thể bay xuyên qua vùng đó.

- A. $2,1 \cdot 10^{-4}\text{ T}$. B. 10^{-4} T . C. $2,1 \cdot 10^{-5}\text{ T}$. D. 10^{-5} T .

Câu 44. Một dây đồng có đường kính $d = 0,8\text{ mm}$ có phủ sơn cách điện mỏng quấn quanh một hình trụ đường kính $D = 5\text{ cm}$ để tạo thành một ống dây. Khi nối ống dây với nguồn $E = 4\text{ V}$, $r = 0,5\ \Omega$ thì cảm ứng từ trong lòng ống dây là $B = 5\pi \cdot 10^{-4}\text{ T}$. Tìm cường độ dòng điện trong ống và chiều dài ống dây, biết điện trở suất của dây quấn là $\rho = 1,76 \cdot 10^{-8}\ \Omega \cdot \text{m}$.

- A. $I = 1\text{ A}$; $L = 0,51\text{ m}$. B. $I = 0,5\text{ A}$; $L = 0,26\text{ m}$.
C. $I = 1\text{ A}$; $L = 0,26\text{ m}$. D. $I = 0,5\text{ A}$; $L = 0,51\text{ m}$.

Câu 45. Hai quả cầu nhỏ giống hệt nhau, mỗi quả có khối lượng 5 g, mang điện tích $q = 1,67 \cdot 10^{-6}\text{ C}$ được treo vào điểm O bởi hai sợi dây có cùng chiều dài 50 cm. Cả hệ được đặt trong không khí. Lấy $g = 10\text{ m/s}^2$. Kéo điểm treo O chuyển động nhanh dần đều lên trên theo phương thẳng đứng với gia tốc a thì khi cân bằng hai dây treo hợp với nhau một góc 60° . Bỏ qua lực cản không khí. Gia tốc a gần nhất với giá trị nào sau đây?

- A. $34,6\text{ m/s}^2$. B. $24,8\text{ m/s}^2$. C. $44,6\text{ m/s}^2$. D. $14,8\text{ m/s}^2$.

Câu 46. Một đoạn dây dẫn thẳng MN dài 6cm có dòng điện $I = 5\text{A}$ đặt trong từ trường đều có cảm ứng từ $B = 0,5\text{T}$. Lực từ tác dụng lên đoạn dây có độ lớn $F = 0,15\text{N}$. Góc hợp bởi dây MN và đường cảm ứng từ là

- A. 45° B. 30° C. 60° D. 90°

Câu 47. Hai bản kim loại phẳng dài $l = 10\text{ cm}$ đặt song song và cách nhau $d = 2\text{ cm}$ trong không khí. Hiệu điện thế giữa hai bản là $U = 200\text{ V}$. Một electron bay vào điện trường đều giữa hai bản với vận tốc đầu v_0

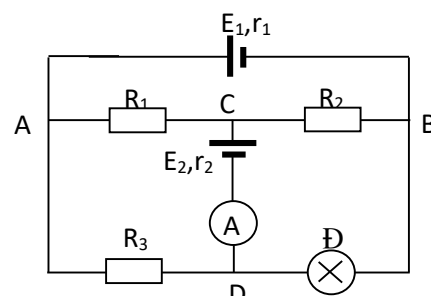
có phương song song với hai bản, cách bản dương một khoảng $0,75d$. Giá trị nhỏ nhất của v_0 để electron có thể đi hết chiều dài của bản và bay ra khỏi điện trường của hai bản là

- A. $1,58.10^6$ m/s. B. $1,42.10^7$ m/s. C. $3,64.10^6$ m/s. D. $2,42.10^7$ m/s.

Câu 48. Cho mạch điện như hình vẽ

Cho biết $E_1 = 16V$; $E_2 = 5V$; $r_1 = 2\Omega$; $r_2 = 1\Omega$; $R_2 = 4\Omega$; Đèn Đ ghi 3V - 3W; $R_A \approx 0$. Biết đèn sáng bình thường và ampe kế chỉ số 0. Tính các điện trở R_1 và R_3 .

- A. $R_1 = 1\Omega$; $R_3 = 7\Omega$. B. $R_1 = 2\Omega$; $R_3 = 5\Omega$.
C. $R_1 = 4\Omega$; $R_3 = 6\Omega$. D. $R_1 = 7\Omega$; $R_3 = 2\Omega$.



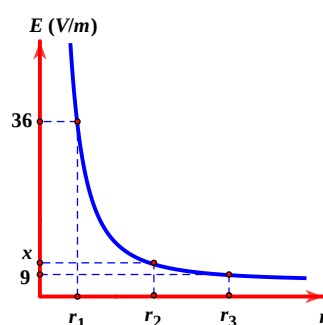
Hình vẽ

Câu 49. Cường độ điện trường của một điện tích phụ thuộc vào khoảng cách r được mô tả như đồ thị bên. Biết $r_2 = \frac{r_1 + r_3}{2}$ và các điểm cùng nằm trên một đường sức. Giá trị của x bằng

- A. 22,5 V/m. B. 16 V/m.
C. 13,5 V/m. D. 17 V/m.

Câu 50. Hai nguồn có cùng suất điện động E và điện trở trong r được mắc thành bộ nguồn và được mắc với điện trở $R = 11(\Omega)$ thành một mạch kín. Nếu hai nguồn mắc nối tiếp thì dòng điện qua R có cường độ $I_1 = 0,4(A)$; nếu hai nguồn mắc song song thì dòng điện qua R có cường độ $I_2 = 0,25(A)$. Suất điện động và điện trở trong của mỗi nguồn bằng

- A. $E = 2V$; $r = 0,5\Omega$ B. $E = 2V$; $r = 1\Omega$ C. $E = 3V$; $r = 2\Omega$ D. $E = 3V$; $r = 0,5\Omega$



-----Hết-----

(Thí sinh không sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.)